

**NIÊN GIÁM THỐNG KÊ
2016**

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Niên giám thống kê Việt Nam 2016 = Statistical yearbook of Vietnam 2016. - H. :
Thống kê, 2017. - 948tr. 22tr.: biểu đồ: bảng; 25cm

Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Anh. - ĐTTS ghi: Tổng cục Thống kê

ISBN 9786047505531

1. Thống kê 2. Niên giám thống kê 3. Việt Nam 4. Sách song ngữ
315.97 - dc23

TKL0002p-CIP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
GENERAL STATISTICS OFFICE**

**NIÊN GIẢM
THỐNG KÊ
STATISTICAL YEARBOOK
OF VIET NAM
2016**

**NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
STATISTICAL PUBLISHING HOUSE
HÀ NỘI, 2017**

LỜI NÓI ĐẦU

Niên giám Thống kê quốc gia là ấn phẩm được Tổng cục Thống kê xuất bản hàng năm, bao gồm những số liệu thống kê cơ bản phản ánh khái quát động thái và thực trạng kinh tế - xã hội của cả nước, của các vùng và các địa phương. Ngoài ra, nội dung Niên giám còn có số liệu thống kê chủ yếu của các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới nhằm cung cấp thêm tư liệu tham khảo phục vụ yêu cầu nghiên cứu và so sánh quốc tế.

Bên cạnh các biểu số liệu và phần giải thích thuật ngữ, nội dung, phương pháp tính một số chỉ tiêu thống kê chủ yếu, niên giám còn bao gồm nội dung đánh giá khái quát những nét chính về tình hình kinh tế - xã hội cả nước và một số ngành, lĩnh vực năm 2016.

Tổng cục Thống kê trân trọng cảm ơn ý kiến đóng góp và sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị, cá nhân về nội dung cũng như hình thức đối với ấn phẩm. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được nhiều ý kiến góp ý để Niên giám Thống kê quốc gia ngày càng hoàn thiện và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê trong nước và quốc tế.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

FOREWORD

The Statistical Yearbook, an annual publication by General Statistics Office, comprises basic data reflecting the general socio-economic dynamic and situation of the whole country, regions and provinces. In addition, in this publication, there are also selected statistics of countries and territories in the world to provide reference information for studies and international comparison.

Beside data tables, explanations of terminologies, contents and methodologies of some key statistical indicators, statistical yearbook 2016 also assesses overview of socio-economic situation in 2016 and main features for some sectors.

General Statistics Office would like to express its great gratitude to all agencies, organizations and individuals for your comments as well as contributions to the content and form of this publication. We look forward to receiving further comments to perfect Viet Nam Statistical Yearbooks to better satisfy the demands of domestic and foreign data users.

GENERAL STATISTICS OFFICE

MỤC LỤC - CONTENTS

	Trang - Page
Lời nói đầu	5
<i>Foreword</i>	6
Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2016	9
<i>Overview on socio-economic situation in Viet Nam in 2016</i>	16
Đơn vị Hành chính, Đất đai và Khí hậu	
<i>Administrative Unit, Land and Climate</i>	23
Dân số và Lao động	
<i>Population and Employment</i>	51
Tài khoản Quốc gia, Ngân sách Nhà nước và Bảo hiểm	
<i>National Accounts, State Budget and Insurance</i>	153
Công nghiệp, Đầu tư và Xây dựng	
<i>Industry, Investment and Construction</i>	187
Doanh nghiệp, Hợp tác xã và Cơ sở kinh tế cá thể phi nông nghiệp	
<i>Enterprise, Cooperative and Non-farm individual business establishment</i>	255
Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	
<i>Agriculture, Forestry and Fishing</i>	421
Thương mại và Du lịch	
<i>Trade and Tourism</i>	531
Chỉ số giá - Price index	577
Vận tải và Bưu chính, Viễn thông	
<i>Transport and Postal Service, Telecommunication</i>	631
Giáo dục	
<i>Education</i>	675
Y tế, Văn hóa, Thể thao và Mức sống dân cư	
Trật tự, an toàn xã hội và Môi trường	
<i>Health, Culture, Sport and Living standards, Social Order, Safety and Environment</i>	715
Số liệu thống kê nước ngoài	
<i>International Statistics</i>	817

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM

NĂM 2016

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,21% so với năm 2015, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây do ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt và sự cố môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung¹, đóng góp 0,22 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,57%, thấp hơn mức tăng 9,64% của năm trước, đóng góp 2,59 điểm phần trăm (riêng ngành khai khoáng giảm 4,00%, làm giảm 0,33 điểm phần trăm tăng trưởng chung); khu vực dịch vụ tăng 6,98%, đóng góp 2,67 điểm phần trăm. Mức tăng trưởng năm 2016 tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biển diễn biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công.

Theo cấu trúc sử dụng GDP năm 2016, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,32% so với năm 2015, đóng góp 5,29 điểm phần trăm vào mức tăng chung; tích lũy tài sản tăng 9,71%, đóng góp 3,08 điểm phần trăm; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ ở tình trạng nhập siêu làm giảm 2,16 điểm phần trăm của mức tăng trưởng chung.

Quy mô GDP năm 2016 theo giá hiện hành đạt 4.502,7 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người đạt 48,6 triệu đồng, tương đương 2.215 USD (tăng 106 USD so với năm 2015). Về cơ cấu nền kinh tế năm 2016, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 16,32%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 32,72%; khu vực dịch vụ chiếm 40,92%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,04%.

2. Thu, chi ngân sách Nhà nước và Bảo hiểm

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2016 ước tính đạt 1.101,4 nghìn tỷ đồng, tăng 104,5 nghìn tỷ đồng (tăng 10,5%) so với năm 2015. Tổng chi ngân

¹ Mức tăng so với năm trước của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản một số năm: Năm 2011 tăng 4,23%; năm 2012 tăng 2,92%; năm 2013 tăng 2,63%; năm 2014 tăng 3,44%; năm 2015 tăng 2,41%.

sách Nhà nước năm 2016 ước tính đạt 1.360,1 nghìn tỷ đồng, tăng 15,5% so với năm 2015.

Tổng số thu bảo hiểm năm 2015 đạt 217,8 nghìn tỷ đồng, trong đó thu Bảo hiểm xã hội (BHXH) đạt 148,4 nghìn tỷ đồng; Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 59,7 nghìn tỷ đồng; Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt 9,7 nghìn tỷ đồng. Tổng số chi bảo hiểm năm 2015 đạt 201,5 nghìn tỷ đồng, trong đó chi BHXH đạt 147,6 nghìn tỷ đồng; BHYT đạt 49 nghìn tỷ đồng; BHTN đạt 4,9 nghìn tỷ đồng. Tổng số dư bảo hiểm cuối năm 2015 đạt 471,8 nghìn tỷ đồng, trong đó số dư BHXH đạt 373,3 nghìn tỷ đồng; BHYT đạt 49,3 nghìn tỷ đồng; BHTN đạt 49,2 nghìn tỷ đồng.

3. Đầu tư

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2016 theo giá hiện hành đạt 1.485,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm 2015 và bằng 33% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 557,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 37,6% tổng vốn và tăng 7,2%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 579,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 39% và tăng 9,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 347,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,4% và tăng 9,4%.

Về thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, năm 2016 có 2.613 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 15,8 tỷ USD, tăng 23,3% về số dự án và giảm 3,2% về vốn đăng ký so với năm 2015. Bên cạnh đó, có 1.249 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 6,6 tỷ USD. Đồng thời, trong năm 2016 có 5.970 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 4,5 tỷ USD. Tính chung tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần năm 2016 đạt 26,9 tỷ USD, tăng 11,5% so với năm 2015. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2016 đạt 15,8 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2015.

4. Chỉ số giá và lạm phát cơ bản

Năm 2016 được coi là năm thành công trong việc kiểm soát lạm phát của Việt Nam. Trong điều kiện giá một số mặt hàng thiết yếu tăng trở lại, nhưng nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp từ sản xuất, tiêu dùng, điều hòa cung cầu, điều hành chủ động linh hoạt nên lạm phát được kiểm soát trong giới hạn cho phép,

tạo điều kiện thực hiện điều chỉnh giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý tiệm cận dần theo giá thị trường. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2016 tăng 4,74% so với tháng 12/2015, đạt mục tiêu CPI tăng dưới 5%. CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2016 tăng 1,87% so với cùng kỳ năm trước; Lạm phát cơ bản bình quân năm 2016 tăng 1,83% so với bình quân năm 2015.

Chỉ số giá vàng tháng 12/2016 tăng 10,98% so với cùng kỳ năm 2015; bình quân năm 2016 tăng 5,95% so với năm 2015. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2016 tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2015; bình quân năm 2016 tăng 2,23% so với năm 2015.

5. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới đạt mức kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015; tổng số vốn đăng ký đạt 891,1 nghìn tỷ đồng, tăng 48,1% (nếu tính cả 1.629,8 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động thì tổng số vốn đăng ký và bổ sung thêm vào nền kinh tế trong năm 2016 là 2.520,9 nghìn tỷ đồng); số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới năm 2016 đạt 8,1 tỷ đồng, tăng 27,5%. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2016 là 1.268 nghìn người, bằng 86,1% năm 2015.

Theo ngành nghề kinh doanh chính, trong năm 2016 có 39 nghìn doanh nghiệp thành lập mới trong ngành bán buôn, bán lẻ (chiếm 35,4%), tăng 16,5% so với năm trước; 14,8 nghìn doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 13,4%), tăng 18,9%; 14,5 nghìn doanh nghiệp ngành xây dựng (chiếm 13,2%), tăng 14,2%; 8,4 nghìn doanh nghiệp ngành khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác (chiếm 7,7%), tăng 23,9%; 6,3 nghìn doanh nghiệp ngành vận tải, kho bãi (chiếm 5,7%), tăng 0,4%; 5,3 nghìn doanh nghiệp ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 4,8%), tăng 14,5%...

Trong năm 2016 còn có 26.689 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 24,1% so với năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động năm 2016 lên gần 136,8 nghìn doanh nghiệp.

Trong năm 2016 có 60.667 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (bao gồm 19.917 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 40.750 doanh

ng nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể), giảm 15,2%; có 12.478 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 31,8%.

6. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Năm 2016, sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do tác động của thời tiết khắc nghiệt như: Rét đậm, rét hại đầu năm tại các tỉnh phía Bắc; hạn hán, mưa, lũ ở miền Trung; đặc biệt là tình trạng hạn hán ở Tây Nguyên, xâm nhập mặn nghiêm trọng tại Đồng bằng sông Cửu Long. Sản lượng lúa cả năm 2016 đạt 43,6 triệu tấn, giảm 1,5 triệu tấn so với năm 2015. Nếu tính thêm 5,2 triệu tấn ngô thì tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2016 ước tính đạt 48,8 triệu tấn, giảm 1,6 triệu tấn so với năm 2015.

Năm 2016, diện tích trồng rừng mới tập trung của cả nước đạt 233,1 nghìn ha, giảm 6,8% so với năm 2015, trong đó rừng sản xuất đạt 216,3 nghìn ha, giảm 4%. Sản lượng gỗ khai thác đạt 9.653,1 nghìn m³, tăng 4,9%. Thời tiết hạn hán, nắng nóng kéo dài nên tình trạng cháy rừng vẫn tiếp tục xảy ra. Năm 2016, diện tích rừng bị thiệt hại của cả nước là 4.519,5 ha, tăng 29,3% so với năm 2015, trong đó diện tích rừng bị cháy là 3.320,8 ha, tăng 66,9%; diện tích rừng bị chặt phá là 1.198,7 ha, giảm 20,4%.

Năm 2016, sản lượng thủy sản đạt 6.803,9 nghìn tấn, tăng 3,4% so với năm 2015, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.640,6 nghìn tấn, tăng 3,1%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 3.163,3 nghìn tấn, tăng 3,7%. Đáng chú ý, cuối tháng Tư năm 2016 đã xảy ra sự cố môi trường biển nghiêm trọng tại vùng biển các tỉnh miền Trung (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế) gây ra hiện tượng cá chết hàng loạt, ảnh hưởng lớn đến hoạt động khai thác thủy sản của các tỉnh ven biển miền Trung cũng như của cả nước. Sản lượng thủy sản của 4 tỉnh miền Trung năm 2016 giảm 17,2% (giảm 35,3 nghìn tấn) so với năm 2015, trong đó sản lượng thủy sản khai thác giảm 20,9% (giảm 32,6 nghìn tấn).

- Công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2016 ước tính tăng 7,4% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 9,8% của năm 2015 và 7,6% của năm 2014 do ngành khai khoáng giảm sút mạnh. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11,3%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,5%; ngành cung cấp nước và

xử lý rác thải, nước thải tăng 8%; ngành khai khoáng giảm sâu ở mức 6,8% (khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 8%).

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2016 tăng 8,5% so với năm 2015. Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 31/12/2016 tăng 8,3% so với cùng thời điểm năm 2015 (cùng thời điểm năm 2015 tăng 9,2%).

- Thương mại và du lịch

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2016 đạt 3.568,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với năm trước (Năm 2015 tăng 10,5%).

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2016 đạt 176,6 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2015; kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 174,8 tỷ USD, tăng 5,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2016 xuất siêu 1,8 tỷ USD, bằng 1% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ năm 2016 đạt 12,3 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2015; kim ngạch nhập khẩu dịch vụ đạt 16,5 tỷ USD, tăng 3%. Nhập siêu dịch vụ năm 2016 là 4,2 tỷ USD, bằng 34,3% kim ngạch xuất khẩu dịch vụ.

Vận tải hành khách năm 2016 đạt 3.618,5 triệu lượt khách, tăng 9,3% so với năm trước và 168,8 tỷ lượt khách.km, tăng 9,2%. Vận tải hàng hóa năm 2016 đạt 1.240,2 triệu tấn, tăng 8,1% so với năm trước và 238,1 tỷ tấn.km, tăng 3,5%.

Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2016 đạt 10,01 triệu lượt người, tăng 26% so với năm trước (tăng hơn 2 triệu lượt khách). Đây là lần đầu tiên Việt Nam đón trên 10 triệu lượt khách quốc tế trong năm, gấp 2 lần lượng khách năm 2010.

7. Một số vấn đề xã hội

- Dân số, lao động và việc làm

Dân số trung bình năm 2016 của cả nước đạt 92,70 triệu người, tăng 985,3 nghìn người, tương đương tăng 1,07% so với năm 2015, bao gồm dân số thành thị 31,99 triệu người, chiếm 34,51%; dân số nông thôn 60,71 triệu người, chiếm 65,49%; dân số nam 45,71 triệu người, chiếm 49,31%; dân số nữ 46,99 triệu người, chiếm 50,69%.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước năm 2016 ước tính là 54,45 triệu người, tăng 461,1 nghìn người so với năm 2015. Lao động

15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2016 ước tính 53,3 triệu người, tăng 462,8 nghìn người so với năm 2015, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 41,9%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 24,7%; khu vực dịch vụ chiếm 33,4%. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo năm 2016 ước tính đạt 20,56%, cao hơn mức 19,9% của năm trước.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2016 là 2,30%, trong đó khu vực thành thị là 3,23%; khu vực nông thôn là 1,84%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2016 là 1,66%, trong đó khu vực thành thị là 0,73%; khu vực nông thôn là 2,12%.

Năng suất lao động xã hội của toàn nền kinh tế năm 2016 theo giá hiện hành đạt 84,5 triệu đồng/lao động (Khoảng 3.853 USD/lao động). Tính theo giá so sánh năm 2010, năng suất lao động toàn nền kinh tế năm 2016 ước tính tăng 5,3% so với năm 2015.

- Đời sống dân cư

Năm 2016, thu nhập bình quân đầu người một tháng chung cả nước theo giá hiện hành đạt 3.049 nghìn đồng, tăng 15,6% so với năm 2014; chi tiêu bình quân đầu người một tháng năm 2016 theo giá hiện hành đạt 2.157 nghìn đồng, tăng 14,3% so với năm 2014. Tỷ lệ hộ nghèo theo thu nhập năm 2016 là 5,8%, giảm 1,2 điểm phần trăm so với năm 2015. Nếu theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo năm 2016 là 9,2%.

Trong năm 2016, rét đậm, rét hại trên diện rộng ở miền núi phía Bắc, mưa lũ, ngập lụt nghiêm trọng ở miền Trung, khô hạn ở Tây Nguyên và xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng nặng nề tới sản xuất và đời sống của dân cư. Theo số liệu sơ bộ, thiên tai làm 264 người chết và mất tích; 431 người bị thương; 5,4 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi; 365 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 527,7 nghìn ha lúa, 150,5 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2016 ước tính hơn 39,7 nghìn tỷ đồng.

- Trật tự và an toàn xã hội

Năm 2016, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 21.589 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 11.456 vụ va chạm giao thông và 10.133 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên, làm 8.685 người chết và 19.280 người bị thương. So với năm 2015, số vụ tai nạn giao thông năm 2016 giảm 5,5% (Số vụ va chạm giao thông giảm 7,5%; số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm

3,2%); số người chết giảm 0,5%; số người bị thương giảm 8,5%. Bình quân 1 ngày trong năm 2016, trên địa bàn cả nước xảy ra 59 vụ tai nạn giao thông, gồm 31 vụ va chạm giao thông và 28 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên, làm 24 người chết và 53 người bị thương.

Năm 2016, cả nước xảy ra 3.045 vụ cháy, nổ, làm 123 người chết và 270 người bị thương, thiệt hại ước tính 1.240 tỷ đồng. So với năm trước, số vụ cháy, nổ tăng 0,8%, số người chết tăng 33,7%, số người bị thương giảm 14,6% và thiệt hại ước tính tăng 35,4%.

Khái quát lại, năm 2016 mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam đã chuyển biến tích cực và đạt được kết quả quan trọng. Kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, lạm phát được kiểm soát; thị trường tiền tệ, mặt bằng lãi suất, tỷ giá ổn định. Môi trường kinh doanh được cải thiện rõ rệt; số doanh nghiệp mới thành lập và quay trở lại hoạt động tăng cao; thu hút khách du lịch quốc tế đạt mốc kỷ lục với 10 triệu lượt khách. Các lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện và đạt kết quả nhất định.

Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn tồn tại một số hạn chế, yếu kém: Tốc độ tăng trưởng chưa đạt như kỳ vọng; chất lượng tăng trưởng thấp, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; năng suất lao động thấp và còn khoảng cách khá xa so với các nước trong khu vực. Tình trạng cháy rừng xảy ra còn lớn; tai nạn giao thông, tình trạng cháy, nổ tiếp tục diễn biến phức tạp; đời sống nhân dân ở các vùng bị thiên tai, vùng bị ô nhiễm môi trường còn gặp nhiều khó khăn.

OVERVIEW ON SOCIO-ECONOMIC SITUATION IN VIET NAM IN 2016

1. Economic growth

Gross domestic product (GDP) in 2016 increased by 6.21% against 2015, of which the agriculture, forestry and fishing sector rose by 1.36%, the lowest rate since 2011 due to the influence of extreme weather and marine environmental incidents in 4 central provinces¹, contributing 0.22 percentage points to the economic growth rate; the industry and construction sector grew up 7.57%, lower than the rate of 9.64% last year, contributing 2.59 percentage points (the mining decreased by 4.00%, reducing 0.33 percentage point of the overall growth rate); the service sector increased by 6.98%, contributing 2.67 percentage points. The growth rate in 2016 is lower than the rate of 6.68% in 2015, but in the context of unfavorable economic conditions in the world and difficulties due to bad weather and marine environmental problems, achieving such growth was a success.

According to the GDP structure by expenditure category in 2016, final consumption rose by 7.32% against 2015, contributing 5.29 percentage points to the economy's growth rate; gross capital formation increased by 9.71%, contributing 3.08 percentage points; net export recorded deficit leading to 2.16 percentage points reduction of the economic growth rate.

GDP at current prices reached 4,502.7 trillion VND in 2016; GDP per capita reached 48.6 million VND, equivalent to 2,215 USD (an increase of 106 USD over 2015). In terms of economic structure in 2016, the agriculture, forestry and fishery sector accounted for 16.32%; the industry and construction sector was 32.72%; the service sector made up 40.92%; and the taxes less subsidies on products made up 10.04%.

2. State budget revenue and expenditure and insurance

Total State budget revenue in 2016 was estimated at 1,101.4 trillion VND, an increase of 104.5 trillion VND (with corresponding to share of 10.5%)

¹ The year-on-year increases in the agriculture, forestry and fishing area: 4.23% in 2011; 2.92% in 2012; 2.63% in 2013; 3.44% in 2014 and 2.41% in 2015.

compared to 2015. Total State budget expenditure in 2016 was estimated at 1,360.1 trillion VND, rising by 15.5% over 2015.

Total insurance revenue in 2015 reached 217.8 trillion VND, of which social insurance revenue was 148.4 trillion VND; health insurance revenue reached 59.7 trillion VND; and unemployment insurance revenue gained 9.7 trillion VND. Total insurance expenditure in 2015 reached 201.5 trillion VND, of which social insurance expenditure was 147.6 trillion VND; health insurance expenditure reached 49 trillion VND; and unemployment insurance expenditure gained 4.9 trillion VND. Total insurance balances by the end of 2015 was 471.8 trillion VND, of which the balance of social insurance reached 373.3 trillion VND; health insurance was 49.3 trillion; and unemployment insurance reached 49.2 trillion VND.

3. Investment

Investment at current prices was 1,485.1 trillion VND in 2016, an increase of 8.7% over 2015 and equal to 33% of GDP. When broken down by economic ownership, the figures for State sector, Non-state sector, and Foreign invested sector were 557.5 trillion VND, 579.7 trillion VND, and 347.9 trillion VND with corresponding shares of 37.6%, 39%, and 23.4% and corresponding increase of 7.2%, 9.7% and 9.4%.

In terms of foreign direct investment attraction, 2,613 new projects were licensed in 2016 with a registered capital of 15.8 billion USD, an increase of 23.3% in project number and decrease of 3.2% in registered capital compared to 2015. In addition, 1,249 turns of licensed projects from previous years registered to adjust investment with additional capital of 6.6 billion USD. At the same time, in 2016 there were 5,970 turns of capital contribution and purchasing share by foreign investors with a total value of 4.5 billion USD. The total registered capital of new projects, additional capital and investment in the form of capital contribution and purchasing share in 2016 reached 26.9 billion USD, rising by 11.5% compared to 2015. Implementation capital of foreign direct investment (FDI) in 2016 reached 15.8 billion USD, an increase of 9% over 2015.

4. Price index and core inflation

2016 is considered a successful year in controlling inflation in Viet Nam. Given the price increase of some essential commodities, the synchronous implementation of measures in production, consumption, balanced

supply and demand, and flexible and active policies contributed to the controlled inflation, which facilitated the price adjustment of a number of state-managed goods close to market prices. Consumer price index (CPI) in December 2016 increased by 4.74% compared to that in December 2015, reaching the target of keeping CPI under 5%. In 2016, the average CPI increased by 2.66% compared to that in 2015.

Core inflation in December 2016 increased by 1.87% over the same period last year; the average annual inflation in 2016 was 1.83% higher than that in 2015.

Gold price index in December 2016 increased by 10.98% over the same period in 2015; the average index in 2016 was 5.95% higher than that in 2015. The USD price index in December 2016 rose 0.8% over the same period in 2015; the average index in 2016 was 2.23% higher than that in 2015.

5. Business registration

Number of newly established enterprises in 2016 hit a new record with 110.1 thousand enterprises, an increase of 16.2% compared with that in 2015. Total registered capital reached 891.1 trillion VND, increasing by 48.1% (if including 1,629.8 trillion VND of additional registered capital of acting enterprises, the total registered capital and additional registered capital added to the economy in 2016 was 2,520.9 trillion VND); the average registered capital of a newly established enterprises in 2016 was 8.1 billion VND, increasing by 27.5%. The total registered employees of newly established enterprises was 1,268 thousand persons in 2016, equaling 86.1% in 2015.

By main business activities, in 2016, number of newly established enterprises in wholesale and retail trade reached 39 thousand (made up 35.4%), an increase of 16.5%, compared to that in 2015; enterprises in manufacturing was recorded at 14.8 thousand, (accounted for 13.4%), a rise of 18,9%; enterprises in construction achieved 14.5 thousand (made up 13.2%), an increase of 14,2%; enterprises in science, technology, services, consultation, designing, advertisement and others were 8.4 thousand (constituted 7.7%), going up by 23.9%; enterprises in transport and storage reached 6.3 thousand (made up 5.7%); a rise of 0.4%; enterprises in accommodation and food service were 5.3 thousand (accounted for 4.8%), going up by 14.5%...

In 2016, there were 26,689 re-operated enterprises, increasing by 24.1% over the previous year, which enhanced the total number of newly established and re-operated enterprises in 2016 to nearly 136.8 thousand enterprises.

60,667 enterprises temporarily ceased in 2016 (including 19,917 enterprises ceased for a certain period of time and 40,750 enterprises temporarily ceased without registration or awaited dissolution), declining by 15.2%; 12,478 enterprises completed dissolution procedures, increasing by 31.8%.

6. Results of business production in some sectors

- The agriculture, forestry and fishing

In 2016, agricultural production faced many difficulties due to the impact of severe weather such as extreme cold in early year in Northern provinces; drought, heavy rain, and flood in the Central areas; especially prolonged drought in the Central Highlands, and severe saline intrusion in Mekong River Delta. The total paddy production reached 43.6 million tons in 2016, a decrease of 1.5 million tons compared to 2015. If 5.2 million tons of maize were added, total cereals production in 2016 was estimated at 48.8 million tons, declining 1.6 million tons over 2015.

The area of newly planted forest of the whole country in 2016 reached 233.1 thousand ha, decreasing by 6.8% compared to 2015, of which production forest reached 216.3 thousand ha, declining by 4%. Timber production reached 9,653.1 thousand m³, rising by 4.9%. Due to prolonged drought and hot weather, forest fires continued occurring. In 2016, the area of deforestation of the whole country was 4,519.5 ha, an increase of 29.3% compared to 2015, of which the fired forest area was 3,320.8 ha, rising by 66.9%; the destroyed forest area was 1,198.7 ha, declining by 20.4%.

The fishery production in 2016 reached 6,803.9 thousand tons, rising by 3.4% compared to 2015, of which aquaculture production was 3,640.6 thousand tons, increasing by 3.1%; fishery caught production reached 3,163.3 thousand tons, increasing by 3.7%. Notably, at the end of April 2016 serious marine environmental incidents occurred in the Central coastal provinces (Ha Tinh, Quang Binh, Quang Tri and Thua Thien - Hue) caused mass fish death, badly affected the fishery catching of these provinces as well as the whole country. Production of fishery in 4 central coastline provinces decreased 17.2% (a decrease of 35,3 thousand tons) compared to that in 2015; of which production of fishery caught decreased 20.9% (a decrease of 32.6 thousand tons).

- Industry

The index of industrial production in 2016 was estimated to increase by 7.4% over the previous year, lower than the rate of 9.8% in 2015 and 7.6% in

2014 due to a sharp decline in the mining and quarrying industry. Of which, the manufacturing increased by 11.3%; the electricity, gas, steam and air conditioning supply increased by 11.5%; the water supply; sewerage, waste management and remediation activities grew up 8%; the mining and quarrying industry dropped sharply to 6.8% (Extraction of crude petroleum and natural gas declined by 8%).

The index of industrial shipment of manufacturing in 2016 increased by 8.5% compared to 2015. The index of industrial inventory of manufacturing as of 31 December 2016 rose by 8.3% over the same period of 2015 (this index in the same period of 2015 increased by 9.2%).

- Trade and tourism

Total retail sales of goods and services reached 3,568.1 trillion VND in 2016, rising by 10.7% over the previous year (increased by 10.5% in 2015).

Export turnover of goods in 2016 gained 176.6 billion USD, an increase of 9% compared to 2015; import turnover of goods reached 174.8 billion USD, rising by 5.4%. The merchandise trade balance in 2016 gained a trade surplus of 1.8 billion USD, equal to 1% of goods export turnover. The services export turnover in 2016 reached 12.3 billion USD, rising by 9.2% compared to 2015; the services import turnover reached 16.5 billion USD, rising by 3%. The trade deficit of services was 4.2 billion USD in 2016, equal to 34.3% services export turnover.

Passenger transport in 2016 reached 3,618.5 million passengers and 168.8 billion passengers.km, increasing by 9.3% and 9.2% respectively compared to the previous year. Freight transport in 2016 reached 1,240.2 million tons, increasing by 8.1% and 238.1 billion tons.km, rising by 3.5% over last year.

Number of foreign visitors to Viet Nam reached 10.01 million persons in 2016, rising by 26% over last year (an increase of more than 2 million visitors). This was the first time Viet Nam welcomed over 10 million foreign visitors in one year, double the number in 2010.

7. Some social issues

- Population, labor and employment

The average population in 2016 of the whole country reached 92.70 million persons, an increase of 985.3 thousand persons or 1.07% over 2015, in which the urban population was 31.99 million persons, accounting for 34.51%;

the rural population was 60.71 million persons, accounting for 65.49%; male population was 45.71 million persons, accounting for 49.31%; female population was 46.99 million persons, accounting for 50.69%.

The labor force aged 15 and above nationwide was estimated at 54.45 million persons in 2016, an increase of 461.1 thousand persons over 2015. The labor force aged 15 and above working in economic sectors was estimated at 53.3 million persons in 2016, an increase of 462.8 thousand persons over 2015, with the respective shares of 41.9%, 24.7%, and 33.4% for the agriculture, forestry and fishing; industry and construction; and services. The percentage of trained employees at working age was estimated at 20.56% in 2016, higher than the figure of 19.9% of the previous year.

The unemployment rate of labor force at working age was 2.30% in 2016, with the urban and rural areas' unemployment rates of 3.23% and 1.84%, respectively. The underemployment rate of labor force at working age was 1.66% in 2016, with the respective rates for urban and rural areas of 0.73%, and 2.12%.

The labor productivity of the entire economy in 2016 at current prices reached 84.5 million VND/worker (about 3,853 USD/worker). At constant prices 2010, the labor productivity of the entire economy was estimated to increase by 5.3% in 2016 over 2015.

- Living standards

In 2016, the monthly average income per capita at current prices nationwide reached 3,049 thousand VND, rising by 15.6% against 2014. The monthly average expenditure per capita at current prices reached 2,157 thousands VND in 2016, increasing by 14.3% over 2014. The poverty rate by income approach was 5.8% in 2016, decreasing by 1.2 percentage points over 2015. By using multi-dimensional standard for period 2016-2020, the poverty rate by was 9.2% in 2016.

The extreme cold weather in the northern mountainous area, severe floods in the Central areas, droughts in the Central Highlands and saline intrusion in the Mekong River Delta seriously affected the production and living standard of the population. According to the preliminary data, natural disasters caused 264 people dead and missing; 431 injured; 5.4 thousand houses collapsed and swept away; 365 thousand houses flooded, damaged and roof ripped-off; 527.7

thousand ha of paddy and 150.5 thousand ha of crops damaged. The total loss caused by natural disasters was estimated at over 39.7 trillion VND in 2016.

- Social order and safety

In 2016, 21,589 traffic accidents occurred nationwide, including 11,456 traffic collisions and 10,133 traffic accidents of differently serious levels, causing 8,685 deaths and 19,280 injuries. Compared with 2015, the number of traffic accidents in 2016 declined 5.5% (number of traffic collisions decreased by 7.5%; number of traffic accidents of differently serious levels decreased by 3.2%); number of death declined 0.5%; injuries went down 8.5%. On average, 59 traffic accidents occurred per day in 2016, including 31 traffic collisions and 28 traffic accidents, causing 24 deaths and 53 injuries.

In the whole country, there were 3,045 fire and explosion cases, causing 123 deaths and 270 injuries, with an estimated damage of 1,240 billion VND in 2016. Compared with the previous year, the number of fire and explosion cases increased by 0.8%, number of death rose by 33.7%, number of injuries declined by 14.6% and the estimated loss increased by 35.4%.

In general, despite many difficulties and challenges, the Viet Nam's socio-economic performances changed positively and achieved important results in 2016. Macro-economy was stable, large balances were guaranteed, inflation was controlled; money market, interest rates and exchange rates were stable. The business environment was improved significantly; the number of newly established and re-operated enterprises highly increased; the number of foreign tourists reached a record of 10 million visitors. Attention was paid to labor, employment and social security, and good results were achieved.

However, the Viet Nam's economy still faced some shortcomings and weaknesses showing in the lower than expected growth rate, low growth quality, low efficiency and competitiveness of the economy; and low labor productivity (much lower than other countries in the region). The forest fire situation was still serious; traffic accidents, fire and explosion cases continued to evolve complexly; people in areas affected by natural disasters and environmental pollution faced many difficulties.